

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HS-PT

Ngày: 21-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn D (L), sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx/xx, Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H; vợ: Nguyễn Thị Kim H (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 63/2009/HSST ngày 07-7-2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tại Bản án số 78/2009/HSST ngày 28-9-2009 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm tù về “Tội cướp giật tài sản”; tổng hợp hình phạt của cả 02 Bản án là 03 năm 09 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-3-2012; tại Bản án số 52/2014/HSST ngày 16-7-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26-7-2015; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 04-3-2019, tại khu vực vòng xoay Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn D có mua 03 gói ma túy của T (không rõ họ, tên và địa chỉ) với giá 500.000 đồng và cất vào trong bóp da màu đen. Đến 15 giờ ngày 05-3-2019, Công an thành phố Bến Tre mời Nguyễn Văn D đến làm việc do D có liên quan đến một vụ án khác thì phát hiện trong bóp da màu đen của D có 03 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- 02 (hai) gói nylon màu trắng hàn kín bốn phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng.

- 01 (một) gói màu trắng hàn kín trên miệng túi có rãnh khếp, bên trong chứa tinh thể màu trắng.

- 01 (một) bóp da màu đen.

Tại Bản kết luận giám định số 32/2019/GĐMT ngày 18-3-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 03 gói nylon màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, khối lượng 0,5958 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2019/HS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 27-8-2019, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 năm 03 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D cất

giấu ma túy trong bóp da để sử dụng thì bị Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ tang vật là 03 gói nylon đựng tinh thể màu trắng. Kết luận giám định xác định 03 gói nylon đựng tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D là Methamphetamine, khối lượng 0,5958 gam. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Văn D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, nên đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về “Tội cướp giật tài sản”, “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tội trộm cắp tài sản”, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không cải sửa lỗi lầm, tiếp tục phạm tội nên đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đồng thời hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra. Mặt khác, việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định là cần thiết, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân và cai nghiện ma túy. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tác hại của tội phạm ma túy đối với con người và xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường x, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo tại ngoại (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông